

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10-35

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán Quý II năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Xuân Vinh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/03/2026
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 21/03/2026
		Miễn nhiệm ngày 21/07/2026
Ông Lê Hoàng Long	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 21/07/2026
Ông Trần Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 21/07/2026
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Huyền	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Ông Ngô Văn Thuận	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCSố 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

MÃU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		915,680,872,377	727,773,243,392
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5,360,796,869	14,757,711,969
1. Tiền	111		979,799,704	3,422,339,838
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,380,997,165	11,335,372,131
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	64,236,000,000	30,200,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		64,236,000,000	30,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		600,729,862,889	467,502,645,173
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	311,651,580,952	448,606,812,683
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	288,426,577,575	18,379,690,977
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	651,704,362	516,141,513
IV. Hàng tồn kho	140	10	244,450,894,968	214,982,062,005
1. Hàng tồn kho	141		244,450,894,968	214,982,062,005
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		903,317,651	330,824,245
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	13	903,317,651	330,824,245
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		371,415,498,390	423,780,733,836
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		152,000,000	152,000,000
1. Tài sản dài hạn khác	215	9	152,000,000	152,000,000
II. Tài sản cố định	220		63,154,941,412	111,430,231,413
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	61,986,222,243	109,794,024,578
- Nguyên giá	222		106,430,449,007	159,097,585,176
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44,444,226,764)	(49,303,560,598)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1,168,719,169	1,636,206,835
- Nguyên giá	228		6,098,456,667	6,098,456,667
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,929,737,498)	(4,462,249,832)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	45,065,633,936
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	45,065,633,936
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	6	207,650,000,000	207,650,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	261		207,650,000,000	207,650,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	270		100,458,556,978	59,482,868,487
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	13	100,458,556,978	58,576,546,411
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	906,322,076
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	280		1,287,096,370,767	1,151,553,977,228

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCSố 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		747,461,680,121	606,862,921,070
I. Nợ ngắn hạn	310		694,213,505,583	548,495,698,912
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	23,345,158,190	68,562,426,620
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	25,831,768,858	59,552,591,244
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	19,612,872,880	20,871,728,788
4. Phải trả người lao động	315		3,181,868,294	2,304,847,568
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		829,825,754	829,825,754
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		13,749,999	4,545,455
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	17	120,197,831,209	486,139,940
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	18	499,843,310,504	394,526,473,648
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1,357,119,895	1,357,119,895
II. Nợ dài hạn	330		53,248,174,538	58,367,222,158
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	18	53,248,174,538	58,367,222,158
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		539,634,690,646	544,691,056,158
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	539,634,690,646	544,691,056,158
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		312,493,940,000	312,493,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		312,493,940,000	312,493,940,000
2. Thặng dư vốn	412		79,978,400,000	79,978,400,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,055,393,794	3,055,393,794
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		144,106,956,852	149,163,322,364
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		148,257,000,288	103,102,035,880
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(4,150,043,436)	46,061,286,484
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1,287,096,370,767	1,151,553,977,228

Lại Thị Thu Hà
Người lậpTrần Thị Sáng
Kế toán trưởngLê Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	105,231,892,913	212,266,455,596	265,127,885,392	379,774,746,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	822,069,397	4,832,499,674	2,375,806,630	8,647,439,165
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		104,409,823,516	207,433,955,922	262,752,078,762	371,127,306,835
4. Giá vốn hàng bán	11	22	81,404,670,409	173,616,798,350	208,177,227,377	308,179,517,829
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		23,005,153,107	33,817,157,572	54,574,851,385	62,947,789,006
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	23	340,006,161	862,057,768	775,811,450	1,279,417,197
8. Chi phí tài chính	23	24	10,428,929,285	9,702,656,348	22,016,239,863	16,065,328,288
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		10,271,178,724	9,702,656,348	21,858,489,302	16,065,328,288
9. Chi phí bán hàng	25	25	12,220,041,100	13,198,914,239	23,393,462,384	21,221,047,452
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	6,746,538,265	4,371,910,704	12,238,718,609	8,883,486,433
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(6,050,349,382)	7,405,734,049	(2,297,758,021)	18,057,344,030
12. Thu nhập khác	31	27	5,053,809,203	108,419,991	5,053,849,413	108,421,777
13. Chi phí khác	32	28	1,834,957,204	1,249,528,792	3,453,622,946	3,355,024,626
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3,218,851,999	(1,141,108,801)	1,600,226,467	(3,246,602,849)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND	VND	VND
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2,831,497,383)	6,264,625,248	(697,531,554)	14,810,741,181
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	1,472,489,889	2,141,927,646	3,452,511,882	4,308,318,992
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		68,090,136	(68,090,136)	-	(136,180,272)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>(4,372,077,408)</u>	<u>4,190,787,738</u>	<u>(4,150,043,436)</u>	<u>10,638,602,461</u>

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Trần Thị Sáng
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCSố 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026
(Theo phương pháp gián tiếp)**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(697,531,554)	14,810,741,181
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3,147,351,056	5,190,351,322
- Các khoản dự phòng	03		-	4,534,152,644
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(5,642,831,722)	(586,006,022)
- Chi phí lãi vay	06		21,858,489,302	16,065,328,288
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18,665,477,082	40,014,567,413
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(133,227,299,312)	122,072,518,981
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(29,468,832,963)	(137,165,086,826)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		86,977,381,057	(24,738,241,133)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		2,611,129,963	6,674,813,033
- Chi phí đi vay đã trả	14		(21,858,489,302)	(15,223,165,000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28,923,124)	(645,204,238)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(2,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(76,329,556,599)	(9,011,797,770)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38,536,000,000)	(305,412,123)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4,500,000,000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		770,852,263	1,279,417,197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33,265,147,737)	974,005,074
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		529,021,696,330	406,284,260,656
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(428,823,907,094)	(405,301,552,362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		100,197,789,236	982,708,294

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50=20+30+40$)	50		(9,396,915,100)	(7,055,084,402)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14,757,711,969	27,088,661,636
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70=50+60+61$)	70	5	5,360,796,869	20,033,577,234

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Trần Thị Sáng
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 21 tháng 05 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 312.493.940.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 312,493,940,000 đồng; tương đương 31,249,394 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất và kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Công ty có các Công ty con như sau:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	TP. Hà Nội	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất bánh kẹo
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam	Hà Nam	Sản xuất sản phẩm từ plastic

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo****Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10	năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, chi phí cải tạo, sửa chữa, công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	228,358,335	1,419,114,869
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	751,441,369	2,003,224,969
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	265,917,554	349,667,361
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	253,585,125	1,003,780,822
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	103,068,410	194,052,273
Các ngân hàng khác	128,870,280	455,724,513
Các khoản tương đương tiền	4,380,997,165	11,335,372,131
	5,360,796,869	14,757,711,969

Tại 30/06/2026, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,2% - 4,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	64,236,000,000	64,236,000,000	-	30,200,000,000	30,200,000,000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	61,200,000,000	61,200,000,000	-	30,200,000,000	30,200,000,000	-
Cho vay	3,036,000,000	3,036,000,000	-	-	-	-
	64,236,000,000	64,236,000,000	-	30,200,000,000	30,200,000,000	-

Tại 30/06/2026, khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng với lãi suất từ 6,2%/năm đến 6,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	207,650,000,000	207,650,000,000	-	207,650,000,000	207,650,000,000	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	21,600,000,000	21,600,000,000	-	21,600,000,000	21,600,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	87,050,000,000	87,050,000,000	-	87,050,000,000	87,050,000,000	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương mại Bảo An Hà Nam	99,000,000,000	99,000,000,000	-	99,000,000,000	99,000,000,000	-
	207,650,000,000	207,650,000,000	-	207,650,000,000	207,650,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2026 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Hà Nội	90.00%	90.00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	Hồ Chí Minh	96.72%	96.72%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương mại Bảo An Hà Nam	Ninh Bình	99.00%	99.00%	Sản xuất sản phẩm từ plastic

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty cổ phần ABG Việt Nam	71,404,627,433	-	52,079,875,862	-
Công ty cổ phần đầu tư công nghệ phân phối FDC	21,504,572,235	-	50,435,336,960	-
Công ty Cổ phần thương mại Quốc tế Bavigo	63,487,779,398	-	77,482,018,384	-
Công ty Cổ phần Đầu tư HDE Holdings	39,263,305,837	-	20,901,096,015	-
Công ty TNHH Phát Triển Hải Việt Đan	35,503,000,000	-	35,503,000,000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	80,488,296,049	-	212,205,485,462	-
	311,651,580,952	-	448,606,812,683	-
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	63,492,761,633	-	77,666,092,937	-

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	81,350,402,740	-	-	-
Công ty Cổ phần ABG Việt Nam	36,467,639,439	-	-	-
Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang	25,363,702,896	-	16,722,274,191	-
Công ty TNHH Gia Phúc Lâm	21,237,098,428	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	98,668,048,083	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Ngọc Bảo	10,012,650,282	-	-	-
Trả trước khác	15,327,035,707	-	1,657,416,786	-
	288,426,577,575	-	18,379,690,977	-
b) Trả trước người bán là các bên liên quan	25,363,702,896	-	16,722,274,191	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***9 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng	135,562,849	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	483,925,780	-	483,925,780	-
Phải thu khác	32,215,733	-	32,215,733	-
	651,704,362	-	516,141,513	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	152,000,000	-	152,000,000	-
	152,000,000	-	152,000,000	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	119,298,576,827	-	10,899,220,521	-
Hàng gửi đi bán	125,152,318,141	-	204,082,841,484	-
	244,450,894,968	-	214,982,062,005	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2026	90,172,206,498	60,863,721,406	6,523,727,272	1,369,500,000	168,430,000	159,097,585,176
Thanh lý, nhượng bán	(52,194,408,896)	-	(472,727,273)	-	-	(52,667,136,169)
Tại ngày 30/06/2026	37,977,797,602	60,863,721,406	6,050,999,999	1,369,500,000	168,430,000	106,430,449,007
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2026	11,058,354,925	30,716,412,132	6,101,918,757	1,274,547,322	152,327,462	49,303,560,598
Trích khấu hao	1,093,235,628	1,430,516,140	97,300,182	53,726,428	5,085,012	2,679,863,390
Thanh lý, nhượng bán	(7,066,469,951)	-	(472,727,273)	-	-	(7,539,197,224)
Tại ngày 30/06/2026	5,085,120,602	32,146,928,272	5,726,491,666	1,328,273,750	157,412,474	44,444,226,764
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	79,113,851,573	30,147,309,274	421,808,515	94,952,678	16,102,538	109,794,024,578
Tại ngày 30/06/2026	32,892,677,000	28,716,793,134	324,508,333	41,226,250	11,017,526	61,986,222,243

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 123.015.152 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.050.887.409 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2026	6,098,456,667	6,098,456,667
Tại ngày 30/06/2026	6,098,456,667	6,098,456,667
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2026	4,462,249,832	4,462,249,832
Trích khấu hao	467,487,666	467,487,666
Tại ngày 30/06/2026	4,929,737,498	4,929,737,498
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2026	1,636,206,835	1,636,206,835
Tại ngày 30/06/2026	1,168,719,169	1,168,719,169

13 . CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4,436,871	16,333,947
Chi phí bảo hiểm	756,390,951	31,586,022
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	21,759,888	82,420,105
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	120,729,941	200,484,171
	903,317,651	330,824,245
b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn		
Hoàn thiện thi công sửa chữa tòa nhà văn phòng số 2 phố Thanh Lâm	44,293,080,212	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	157,554,699	85,305,001
Chi phí thuê văn phòng	42,541,473,600	44,779,665,600
Chi phí tiền thuê đất	13,381,934,302	13,615,460,872
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	84,514,165	96,114,938
	100,458,556,978	58,576,546,411

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	1,853,264,614	5,785,975,814
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hạ Tầng ANAMA	2,018,337,000	4,990,545,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Tiến Nhân	2,781,325,109	437,698,122
Công ty TNHH Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	-	35,754,905,403
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư AloHome	7,472,197,330	7,472,197,330
Các khoản phải trả khác	9,220,034,137	14,121,104,951
	23,345,158,190	68,562,426,620
Phải trả người bán là các bên liên quan	180,018,450,823	37,074,196,289

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa (*)	-	54,200,000,000
Công ty Cổ phần Á Long	1,844,467,505	670,000,000
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao Bì Tây Đô	14,095,330,002	-
Hợp Tác Xã Vận Tải Thái Bình Dương	1,230,834,042	-
Hợp Tác Xã Vận Tải Du Lịch Sài Gòn	963,599,716	-
Các đối tượng khác	7,697,537,593	4,682,591,244
	25,831,768,858	59,552,591,244

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty trên trả trước tiền liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ: Lô A2 CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc đã lập hóa đơn cho giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 09/02/2023 tuy nhiên giao dịch chuyển nhượng trên chưa được hoàn thành về mặt pháp lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất chưa được sang tên cho Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa. Tại ngày phát hành báo cáo này, giao dịch chuyển nhượng trên đã hoàn tất các thủ tục pháp lý, do đó Công ty thực hiện ghi nhận điều chỉnh lại công nợ và các nghiệp vụ liên quan đến giao dịch này.

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	15,939,797,507	670,000,000
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)</i>		

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	6,461,160,878	7,834,449,719	12,642,774,241	1,652,836,356
Thuế Thu nhập doanh	14,367,329,578	3,452,511,882	28,923,124	17,790,918,336
Thuế Thu nhập cá nhân	43,238,332	212,153,943	86,274,087	169,118,188
	20,871,728,788	11,499,115,544	12,757,971,452	19,612,872,880

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	367,946,047	1,764,160
Bảo hiểm y tế	32,884,397	-
Bảo hiểm thất nghiệp	12,472,610	-
Trần Viết Thòa	9,000,000,000	-
Đình Xuân Hải	9,000,000,000	-
Cù Thị Hoài Thương	9,000,000,000	-
Lê Thị Tuyết Lan	9,000,000,000	-
Nguyễn Thị Hương Trang	10,000,000,000	-
Các khoản phải trả khác	73,784,528,155	484,375,780
	120,197,831,209	486,139,940

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2026			Trong kỳ			30/06/2026		
	Giá trị	Số có khả năng trả	VND	Tăng	Giảm	VND	Giá trị	Số có khả năng trả	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn									
Vay ngắn hạn	382,250,838,666	382,250,838,666		529,021,696,330	(423,704,859,474)		487,567,675,522	487,567,675,522	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2,353,308,495	2,353,308,495		8,772,205,500	(8,680,000,000)		2,445,513,995	2,445,513,995	
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	8,576,671,400	8,576,671,400		22,132,292,000	(14,198,963,400)		16,510,000,000	16,510,000,000	
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh	49,995,000,000	49,995,000,000		14,300,000,000	(14,300,000,000)		49,995,000,000	49,995,000,000	
Ngân hàng TMCP Quân Đội	74,820,320,156	74,820,320,156		62,000,000,000	(74,820,320,156)		62,000,000,000	62,000,000,000	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	21,972,371,256	21,972,371,256		25,031,204,159	(22,007,276,159)		24,996,299,256	24,996,299,256	
Ngân hàng TMCP An Bình	199,736,746,330	199,736,746,330		265,021,557,416	(264,901,878,730)		199,856,425,016	199,856,425,016	
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai	-	-		60,000,000,000	-		60,000,000,000	60,000,000,000	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	24,796,421,029	24,796,421,029		71,764,437,255	(24,796,421,029)		71,764,437,255	71,764,437,255	
Nợ dài hạn đến hạn trả	12,275,634,982	12,275,634,982		5,119,047,620	(5,119,047,620)		12,275,634,982	12,275,634,982	
Ngân hàng TMCP An Bình	12,275,634,982	12,275,634,982		5,119,047,620	(5,119,047,620)		12,275,634,982	12,275,634,982	
Tổng cộng	394,526,473,648	394,526,473,648		534,140,743,950	(428,823,907,094)		499,843,310,504	499,843,310,504	
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn									
Ngân hàng TMCP An Bình	58,367,222,158	58,367,222,158		-	(5,119,047,620)		53,248,174,538	53,248,174,538	
	58,367,222,158	58,367,222,158		-	(5,119,047,620)		53,248,174,538	53,248,174,538	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2026	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
<i>Đơn vị tính: đồng</i>								
1	Vay ngắn hạn					487,567,675,522	487,567,675,522	
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam					2,445,513,995	2,445,513,995	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 100/2025-HĐCVHM/NHCT131- BN ngày 20/05/2025	45,000,000,000	Tài trợ vốn lưu động, nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu/ hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	2,445,513,995	2,445,513,995	- Đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam					16,510,000,000	16,510,000,000	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/02/BCB/HĐTD ngày 12/01/2022 và hợp đồng bổ sung số HN/2022/02/BCB/HĐTD/BS1 ngày 11/01/2023	70,000,000,000	Tài trợ vốn lưu động, nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu/ hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Tối đa không quá 6 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	16,510,000,000	16,510,000,000	- Đảm bảo bằng tài sản
3	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh					49,995,000,000	49,995,000,000	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN123001244/2023- HĐCVHM/WBVN300 ngày 28/02/2023	50,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sản phẩm từ bột mì và các sản phẩm bánh kẹo khác	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	49,995,000,000	49,995,000,000	- Đảm bảo bằng tài sản
4	Ngân hàng TMCP Quân Đội					62,000,000,000	62,000,000,000	
	Hợp đồng cấp tín dụng số 234855.24.056.1516289.TD ngày 08/08/2024	75,000,000,000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bánh kẹo	Từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 15/07/2025	Theo từng giấy nhận nợ	62,000,000,000	62,000,000,000	- Đảm bảo bằng tài sản
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng					24,996,299,256	24,996,299,256	
	Hợp đồng cấp tín dụng số CLC- 26425-01 ngày 06/09/2024	80,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	24,996,299,256	24,996,299,256	- Đảm bảo bằng tài sản
6	Ngân hàng TMCP An Bình					199,856,425,016	199,856,425,016	
	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1140/24/TD/SME/116 ngày 24/09/2024	200,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	199,856,425,016	199,856,425,016	- Đảm bảo bằng tài sản
7	Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai					60,000,000,000	60,000,000,000	
	Thỏa thuận tín dụng số 10001373LD001202622 ngày 20/03/2026	60,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	60,000,000,000	60,000,000,000	- Đảm bảo bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2026	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
8	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong					71,764,437,255	71,764,437,255	
	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 292/2025/HĐTD/HTH ngày 27/11/2025	100,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	71,764,437,255	71,764,437,255	- Tín chấp
II	Vay dài hạn					65,523,809,520	12,275,634,982	
1	Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai					65,523,809,520	12,275,634,982	
	Hợp đồng cho vay từng lần số 1142/24/TD/SME/116 ngày 24/09/2024	86,000,000,000	Vay bù đắp tài chính	84 tháng	9%/năm	65,523,809,520	12,275,634,982	- Đảm bảo bằng tài sản
	Tổng cộng các khoản vay					553,091,485,042	499,843,310,504	

Đơn vị tính: đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thị trấn Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025						
Tại ngày 01/01/2025	312,493,940,000	79,978,400,000	-	3,055,393,794	103,102,035,880	498,629,769,674
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	10,638,602,461	10,638,602,461
Tại ngày 30/06/2025	312,493,940,000	79,978,400,000	-	3,055,393,794	113,740,638,341	509,268,372,135
Từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2025						
Tại ngày 01/01/2026	312,493,940,000	79,978,400,000	-	3,055,393,794	149,163,322,364	544,691,056,158
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(4,150,043,436)	(4,150,043,436)
Giảm khác	-	-	-	-	(906,322,076)	(906,322,076)
Tại ngày 30/06/2026	312,493,940,000	79,978,400,000	-	3,055,393,794	144,106,956,852	539,634,690,646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2026 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2026 VND
Ông Lê Đức Thuần	36.06%	112,696,680,000	36.06%	112,696,680,000
Các cổ đông khác	63.94%	199,797,260,000	63.94%	199,797,260,000
	100%	312,493,940,000	100%	312,493,940,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý II năm 2026 VND	Quý II năm 2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	312,493,940,000	312,493,940,000
- Vốn góp đầu kỳ	312,493,940,000	312,493,940,000
- Vốn góp cuối kỳ	312,493,940,000	312,493,940,000

d) Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31,249,394	31,249,394
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31,249,394	31,249,394
- Cổ phiếu phổ thông	31,249,394	31,249,394
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31,249,394	31,249,394
- Cổ phiếu phổ thông	31,249,394	31,249,394
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3,055,393,794	3,055,393,794
	3,055,393,794	3,055,393,794

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý II năm 2026 VND	Quý II năm 2025 VND
Doanh thu bán thành phẩm	-	48,462,228,003
Doanh thu bán hàng hóa	105,193,189,209	163,804,227,593
Doanh thu khác	38,703,704	-
	105,231,892,913	212,266,455,596
Doanh thu đối với các bên liên quan	3,350,557,064	7,220,614,919

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	378,520,625	2,409,371,454
Hàng bán bị trả lại	443,548,772	2,423,128,220
	822,069,397	4,832,499,674

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	43,811,894,139
Giá vốn của hàng hóa đã bán	81,404,670,409	125,270,751,567
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	4,534,152,644
	81,404,670,409	173,616,798,350

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	335,046,974	862,057,768
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4,959,187	-
	340,006,161	862,057,768

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Lãi tiền vay	10,271,178,724	9,702,656,348
Chi phí tài chính khác	157,750,561	-
	10,428,929,285	9,702,656,348

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Chi phí nhân công	3,561,765,797	2,332,229,295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14,069,775	139,457,342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,614,164,761	10,725,653,528
Chi phí khác bằng tiền	30,040,767	1,574,074
	12,220,041,100	13,198,914,239

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	70,790,138	114,358,450
Chi phí nhân công	3,230,187,510	1,090,526,842
Chi phí khấu hao tài sản cố định	347,366,238	351,016,237
Thuế, phí, lệ phí	14,745,548	21,293,042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,045,622,768	1,592,070,295
Chi phí khác bằng tiền	2,037,826,063	1,202,645,838
	6,746,538,265	4,371,910,704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***27 . THU NHẬP KHÁC**

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4,871,979,459	-
Thu nhập khác	181,829,744	108,419,991
	5,053,809,203	108,419,991

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	420,069,116
Chi phí khác	1,834,957,204	829,459,676
	1,834,957,204	1,249,528,792

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2,831,497,383)	6,264,625,248
Các khoản điều chỉnh tăng	10,193,946,828	4,445,012,986
- Chi phí không hợp lệ	1,834,957,204	568,627,432
- Chi phí lãi vay bị loại do GD liên kết	8,358,989,624	3,195,484,194
- Chi phí khấu hao của tòa nhà Bảo Ngọc	-	680,901,360
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	7,362,449,445	10,709,638,234
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1,472,489,889	2,141,927,646

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70,790,138	59,822,504,759
Chi phí nhân công	6,791,953,307	4,343,804,534
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,371,358,053	2,952,256,746
Chi phí thuế và lệ phí	14,745,548	21,293,042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,809,607,838	12,483,117,825
Chi phí khác bằng tiền	2,067,866,830	1,204,219,912
	20,126,321,714	80,827,196,818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5,360,796,869	-	14,757,711,969	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	312,455,285,314	-	449,274,954,196	-
Đầu tư ngắn hạn	64,236,000,000	-	30,200,000,000	-
	382,052,082,183	-	494,232,666,165	-
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			553,091,485,042	452,893,695,806
Phải trả người bán, phải trả khác			143,542,989,399	69,048,566,560
Chi phí phải trả			829,825,754	829,825,754
			697,464,300,195	522,772,088,120

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2026				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5,360,796,869	-	-	5,360,796,869
Phải thu khách hàng, phải thu khác	312,303,285,314	152,000,000	-	312,455,285,314
Đầu tư ngắn hạn	64,236,000,000	-	-	64,236,000,000
	381,900,082,183	152,000,000	-	382,052,082,183
Tại ngày 01/01/2026				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14,757,711,969	-	-	14,757,711,969
Phải thu khách hàng, phải thu khác	449,122,954,196	152,000,000	-	449,274,954,196
Đầu tư ngắn hạn	30,200,000,000	-	-	30,200,000,000
	494,080,666,165	152,000,000	-	494,232,666,165

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2026				
Vay và nợ	499,843,310,504	53,248,174,538	-	553,091,485,042
Phải trả người bán, phải trả khác	143,542,989,399	-	-	143,542,989,399
Chi phí phải trả	829,825,754	-	-	829,825,754
	644,216,125,657	53,248,174,538	-	697,464,300,195
Tại ngày 01/01/2026				
Vay và nợ	394,526,473,648	58,367,222,158	-	452,893,695,806
Phải trả người bán, phải trả khác	69,048,566,560	-	-	69,048,566,560
Chi phí phải trả	829,825,754	-	-	829,825,754
	464,404,865,962	58,367,222,158	-	522,772,088,120

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại và dịch vụ khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	104,409,823,516	104,409,823,516
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	-	81,404,670,409	81,404,670,409
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	-	23,005,153,107	23,005,153,107
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-
Tài sản bộ phận trực tiếp	28,716,793,134	227,948,576,827	256,665,369,961
Tài sản không phân bổ	-	-	1,030,431,000,806
Tổng tài sản	28,716,793,134	227,948,576,827	1,287,096,370,767
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	747,461,680,121
Tổng nợ phải trả	-	-	747,461,680,121

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:
(riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 18.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Quý II năm 2026 VND	Quý II năm 2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,767,710,226	7,220,614,919
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Công ty con	52,630,200	-
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(3)	1,715,080,026	7,220,614,919
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(4)		
Mua hàng hóa, dịch vụ		28,155,824,710	227,505,828,295
Công ty TNHH đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Công ty con	19,043,001,600	88,959,110,470
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	Công ty Con	8,405,795,048	132,084,669,125
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(3)	630,432	4,378,400
Công ty cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(4)	706,397,630	6,457,670,300

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu khách hàng		63,492,761,633	77,666,092,937
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(4)	4,982,235	184,074,553
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(3)	63,487,779,398	77,482,018,384
Trả trước cho người bán		25,363,702,896	16,722,274,191
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(4)	25,363,702,896	16,722,274,191
Phải trả người bán		180,018,450,823	37,074,196,289
Công ty TNHH Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Công ty con	98,668,048,083	35,754,905,403
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	Công ty con	81,350,402,740	1,319,290,886
Người mua trả tiền trước		15,939,797,507	670,000,000
Công ty CP Sản xuất Bao bì Tây Đô	(2)	14,095,330,002	-
Công ty Cổ phần Á Long	(1)	1,844,467,505	670,000,000

(1) Chủ tịch HĐQT Công ty là cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần của bên liên quan

(2) Phó Tổng Giám đốc Công ty là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan

(3) Thành viên HĐQT Công ty là Giám đốc của bên liên quan

(4) Chủ tịch HĐQT Công ty mẹ đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng Quý 2 và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2025, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng Quý 2 và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý 2 năm 2025 do Công ty lập, đồng thời cũng được điều chỉnh lại theo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2025 đã được soát xét.



Lại Thị Thu Hà
Người lập



Trần Thị Sáng
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

